

# Đại chiến lược của Hoa Kỳ và vị trí của khu vực châu Á - Thái Bình Dương

Phạm Cao Cường<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Đại chiến lược hay chiến lược toàn cầu luôn thể hiện các mục tiêu bao trùm của Hoa Kỳ về kinh tế, chính trị và an ninh - quân sự. Nó cũng xác định các mối đe dọa cao nhất đối với an ninh quốc gia, đồng thời đề ra các biện pháp để đối phó. Mục tiêu nổi bật, bao trùm nhất và ít thay đổi trong nhiều thập niên qua trong đại chiến lược chính là mục tiêu duy trì vai trò lãnh đạo của Hoa Kỳ trên quy mô toàn cầu. Bài viết xem xét và làm sáng rõ về đại chiến lược của Hoa Kỳ và vị trí của khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong đại chiến lược, đặc biệt là các đại chiến lược sau Chiến tranh Lạnh.

**Từ khóa:** Hoa Kỳ, Châu Á - Thái Bình Dương, ASEAN, Chiến lược toàn cầu, Đại chiến lược

**Abstract:** The U.S. grand strategy or global strategy presents its goals, inclusive of economic, political and military - security aspects. It also identifies the highest threats to the national security and sets out countermeasures. The target of maintaining American leadership on the global level therein remains the most prominent, comprehensive and least changing over the past decades. The article examines the U.S. grand strategy and the position of the Asia-Pacific region, especially after the Cold War.

**Keywords:** United States, Asia-Pacific, ASEAN, Global Strategy, Grand Strategy

## 1. “Chiến lược toàn cầu” hay “Đại chiến lược”?

Khi nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ, một câu hỏi thường được đặt ra là liệu có hay không một “đại chiến lược” hay “chiến lược toàn cầu”. Mặc dù cuộc tranh luận về khái niệm này đã diễn ra từ lâu và thậm chí còn được đề cập trong nhiều văn kiện chính thức của nước Mỹ, song cho tới nay vẫn chưa có sự thống nhất về định nghĩa cũng như nội hàm của khái niệm này. Trong khi các học giả Trung Quốc và Việt Nam

thường sử dụng tên gọi “chiến lược toàn cầu”, thì các học giả Hoa Kỳ và phương Tây lại có thiên hướng sử dụng tên gọi “chiến lược lớn” hay “đại chiến lược”. Theo học giả Barry R. Posen<sup>1</sup>, nếu xét trên bình diện toàn cầu thì Hoa Kỳ luôn có “đại chiến lược”. Đại chiến lược ở đây được mô tả là “một chuỗi những công cụ có mục đích chính trị, quân sự. Nó bao hàm cả một luận thuyết quốc gia về việc đảm bảo an ninh cho quốc gia đó và giải thích tại sao luận thuyết đó được sử

<sup>(\*)</sup> TS., Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;  
Email: phamcaocuong@gmail.com

<sup>1</sup> Giáo sư Khoa học chính trị quốc tế thuộc Học viện Công nghệ Massachusetts (MIT); Giám đốc danh dự của Chương trình Nghiên cứu An ninh của MIT.

dụng” (Dẫn theo: Harth, 2003: 18). Posen cho rằng, “đại chiến lược” phải xác định được mối đe dọa có thể xảy ra đối với an ninh của quốc gia và phải đưa ra những kế hoạch về chính trị, kinh tế, quân sự cũng như các biện pháp khác để đối phó với các mối đe dọa đó.

Khi bàn về vai trò của “đại chiến lược”, trong đó đặc biệt nhấn mạnh tới yếu tố quân sự, học giả John J. Kohout<sup>1</sup> lại cho rằng “vai trò của đại chiến lược là thực hiện sự điều phối và chỉ đạo tất cả các nguồn lực của một quốc gia nhằm đạt được mục tiêu chính trị của một cuộc chiến tranh. Đại chiến lược cần phải tính toán và phát triển các nguồn lực kinh tế và nhân lực của quốc gia nhằm duy trì các đơn vị chiến đấu” (Kohout và các cộng sự, 1995: 362). Để lý giải rõ hơn về đại chiến lược, học giả Colin Dueck<sup>2</sup> (2001: 17-18) chỉ rõ: một “đại chiến lược” cần phải đưa ra được những đường hướng cụ thể như: mức chi tiêu về phòng thủ; nội dung những cam kết chiến lược của quốc gia với các nước; việc triển khai các lực lượng quân sự ra bên ngoài; việc sử dụng viện trợ quân sự; việc sử dụng ngoại giao với các đồng minh hiện thực và tiềm năng; và lập trường ngoại giao đối với kẻ thù thực sự hay đối thủ tiềm tàng.

Mặc dù có những định nghĩa khác nhau về “chiến lược toàn cầu” hay “đại chiến lược”, nhưng các học giả lại có sự thống nhất về mục tiêu trong chiến lược toàn cầu, đó là duy trì sự lãnh đạo của Hoa Kỳ trên quy mô toàn cầu. Có thể nói, đây là mục tiêu nhất quán của Hoa Kỳ kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai cho tới nay. Theo Peter D. Feaver<sup>3</sup> (2012: 60), động lực chính

của đại chiến lược Hoa Kỳ trong nhiều thập kỷ qua là tìm cách duy trì và mở rộng trật tự thế giới đang tồn tại. Từ lâu, Hoa Kỳ luôn tính tới khả năng phải đối mặt với sự nổi lên của một “địch thủ” có khả năng vẽ lại trật tự thế giới mới nhằm thay thế trật tự do Hoa Kỳ lập ra. Chính vì vậy, theo Peter D. Feaver (2012: 60-61), Hoa Kỳ cần phải có một đại chiến lược với 5 trụ cột chính, là: “Phải ngăn chặn sự nổi lên của một địch thủ ngang bằng thông qua việc sử dụng quả đấm thép bọc nhung; tăng cường các nỗ lực nhằm thúc đẩy thế giới trở nên tương đồng với Hoa Kỳ về mặt chính trị thông qua việc thúc đẩy phổ biến dân chủ; thúc đẩy thế giới trở nên tương đồng với Hoa Kỳ về mặt kinh tế thông qua việc cổ súy cho toàn cầu hóa, chủ nghĩa tư bản thị trường và thương mại tự do; xác định và đối phó với ưu tiên cao nhất đối với các mối đe dọa ở tầm trung hạn như việc phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và các quốc gia thô bạo; đánh bại các mạng lưới khủng bố Hồi giáo cực đoan”.

Trên khía cạnh khác, một đại chiến lược phải xác định được mục tiêu quốc gia, môi trường quốc tế, mục tiêu và công cụ chiến lược. Diễn giải một cách cụ thể hơn, Robert J. Art<sup>4</sup> (2003: 2) cho rằng đại chiến lược phải bao hàm một loạt các mục tiêu mà một quốc gia mong muốn đạt lấy nhưng chủ yếu tập trung vào công cụ quân sự để giành lấy những mục tiêu đó. Trên cơ sở định nghĩa của Art, có thể hiểu các phương tiện của đại chiến lược là việc sử dụng vũ lực, đe dọa và hành động (Pardesi, 2005: 5). Từ đó, việc xác định công cụ của đại chiến lược có thể nhận biết được thông qua việc trả lời hai câu hỏi: Thứ nhất, phương tiện sử dụng vũ lực, đe dọa và hành động đối với một quốc gia là gì và việc triển khai chúng sẽ được thực hiện như thế nào? Thứ

<sup>1</sup> Giáo sư Khoa học chính trị tại Đại học Chicago.

<sup>2</sup> Giáo sư thuộc Trường Chính sách và Chính phủ Schar, Đại học George Mason.

<sup>3</sup> Giáo sư Khoa học chính trị và Chính sách công tại Đại học Duke.

<sup>4</sup> Một trong các học giả đi đầu trong lĩnh vực quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại của Mỹ.

hai, định hướng chiến lược của quốc gia là gì? Định hướng chiến lược thể hiện toàn bộ tâm nhìn an ninh của quốc gia như thế nào?

Có thể thấy, theo các nhà chiến lược, ứng với mỗi “chiến lược toàn cầu” hay “đại chiến lược lớn”, Hoa Kỳ cần có các chiến lược đối với nhiều khu vực quan trọng trên thế giới dựa trên vai trò và vị trí địa chiến lược của những khu vực đó. Ngoài ra, các mục tiêu và lợi ích quốc gia cần phải được thể hiện rõ “đại chiến lược”. Ví dụ, chiến lược của Hoa Kỳ đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương là một bộ phận cấu thành của “đại chiến lược”. Mục tiêu phổ quát trong “đại chiến lược” lại tiếp tục được cụ thể hóa trong chiến lược của nó đối với khu vực. Tương tự như vậy, các mục tiêu trong chiến lược đối với khu vực có thể đạt được thông qua các mối quan hệ song phương với từng quốc gia. Do vậy, khi nghiên cứu về chính sách đối ngoại Mỹ, cần phải xem xét chính sách đó trên cả ba cấp độ - toàn cầu, khu vực và song phương - mới có thể hiểu rõ bản chất của nó. Ngoài ra, giống như chính sách đối ngoại Mỹ, “đại chiến lược” và “chiến lược khu vực” có thể thay đổi trong một khoảng thời gian nhất định bởi chúng được hình thành và chịu sự tác động của nhiều yếu tố như: vai trò của Tổng thống Mỹ, tình hình trong nước, và môi trường quốc tế cũng như khu vực. Để có thể hiểu được lý do và động cơ dẫn tới sự thay đổi trong chiến lược của Mỹ, các thành tố nêu trên cần được xem xét, đánh giá một cách cẩn thận, ở nhiều phương diện khác nhau, với các cách tiếp cận khác nhau.

Như vậy, xét trên bình diện toàn cầu, Hoa Kỳ vẫn có một đại chiến lược. Nó chỉ rõ các mục tiêu, mục đích hoặc lợi ích quốc gia nhất định. Nó xác định những thách thức hoặc mối đe dọa hiện có đối với những lợi ích đó. Nó lựa chọn và đề xuất các công cụ hoặc phương tiện chính sách cụ thể để đáp ứng các thách thức và theo đuổi các mục

tiêu quốc gia. Có thể nói, đại chiến lược là một loại bản đồ khái niệm, mô tả cách xác định, ưu tiên và kết hợp các nguồn lực quốc gia với lợi ích quốc gia chống lại các mối đe dọa tiềm tàng.

Về cốt lõi, một Đại chiến lược phải chứa đựng các mục tiêu mong muốn đạt được của quốc gia đó đồng thời bao hàm sự hướng dẫn để đạt lấy các mục tiêu đó, cụ thể:

- Đại chiến lược sẽ bao hàm cả “mục tiêu” và “phương tiện” để giành lấy các mục tiêu đó.

- Đại chiến lược bao gồm các hoạt động của một nhà nước, tương tác vượt ra khỏi biên giới quốc gia.

- Đại chiến lược bao hàm các khía cạnh về chính trị, quân sự, lợi ích quốc gia.

- Đại chiến lược là một kế hoạch có chiến lược để thúc đẩy để giành lấy các mục tiêu xác định.

Mặc dù Mỹ không thừa nhận mình có một chiến lược toàn cầu, song dựa trên những mục tiêu và cách thức triển khai có thể khẳng định dù tên gọi là khác nhau nhưng về bản chất thì “chiến lược lớn” của Mỹ vẫn có thể coi là một “chiến lược toàn cầu”. Trong quan niệm đó, chiến lược toàn cầu là một đại chiến lược với các mục tiêu, công cụ nhằm đạt lấy mục tiêu và lợi ích quốc gia trên trên phạm vi toàn cầu toàn cầu. Ngoài ra, “chiến lược toàn cầu” còn là khái niệm nhấn mạnh tới vai trò “bá quyền” của Mỹ trên thế giới.

## 2. Đặc trưng trong “đại chiến lược” Hoa Kỳ

Đại chiến lược của Hoa Kỳ được xây dựng dựa trên nhiều thành tố đặc trưng, nhất là sau khi Hoa Kỳ trở thành cường quốc của thế giới với những ưu thế về sức mạnh kinh tế, quân sự và vai trò ảnh hưởng của nó trên thế giới. Nó là sự phối hợp tổng thể của các chính sách về ngoại giao, kinh tế và các học thuyết quân sự được kế thừa qua nhiều đời tổng thống trong suốt chiều

dài lịch sử. Một trong số những đặc trưng đó là việc Hoa Kỳ luôn tìm cách để duy trì “bá quyền” hay “vị trí lãnh đạo” của mình trong một trật tự thế giới do mình xác lập từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai. Trải qua nhiều đời chính quyền khác nhau, đại chiến lược của Hoa Kỳ từ trước tới nay đều được xây dựng dựa trên việc đánh giá về thực lực sức mạnh của Hoa Kỳ; xác định các mối đe dọa tiềm tàng; và sự thay đổi cán cân quyền lực của cả thế giới để từ đó đưa ra từng chiến lược phù hợp nhất ứng với mỗi thời kỳ.

Sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, nhận thức được chủ nghĩa cộng sản là mối đe dọa đối với mình, Hoa Kỳ đã thực hiện chiến lược “ngăn chặn” nhằm bảo vệ vị thế ưu việt của mình, bảo đảm an ninh của các đồng minh và bạn bè trước mối “đe dọa” đến từ Liên Xô (cũ). Hàng loạt các học thuyết ra đời, tương ứng với tên gọi của các vị tổng thống kế nhiệm nhau, trong đó bao gồm Học thuyết Truman (1947), Eisenhower (1953), Kennedy (1961), Nixon (1969), Reagan (1981). Vai trò của các cá nhân tổng thống có ảnh hưởng rất lớn tới đường lối, chính sách đối ngoại và “đại chiến lược” của Hoa Kỳ đối với từng giai đoạn. Để tập hợp lực lượng, Hoa Kỳ đã thiết lập rất nhiều liên minh quân sự, triển khai các chương trình chạy đua vũ trang, không ngừng nâng cao tiềm lực về quốc phòng để duy trì vai trò và vị thế của mình trong hệ thống quốc tế.

Sau Chiến tranh Lạnh, đánh dấu bằng sự sụp đổ của Liên Xô, Hoa Kỳ trở thành siêu cường duy nhất của thế giới. Tiếp nối các chiến lược đã được hình thành từ trước đây, mục tiêu lớn nhất của Hoa Kỳ vẫn không có gì thay đổi, đó là: duy trì sự lãnh đạo của Hoa Kỳ trong một trật tự quốc tế mới. Sự thay đổi của môi trường quốc tế, sự phát triển của khoa học - công nghệ và quá trình toàn cầu hóa cũng đã làm thay đổi các mối đe dọa nhằm vào nước này. Ngày

nay, Hoa Kỳ phải đối mặt với ba mối đe dọa chính: Thứ nhất, mối đe dọa lớn nhất đối với Hoa Kỳ và cả với trật tự tự do toàn cầu nói chung đó là sự hiện diện của các quốc gia chuyên quyền, hùng mạnh được trang bị vũ khí hạt nhân; Thứ hai, đó là mối đe dọa đến từ các quốc gia thất bại các tác nhân “bất hảo” được tạo ra từ chúng như cướp biển, tội phạm có tổ chức, băng đảng ma tuý và khủng bố; Thứ ba là mối đe dọa từ lực lượng nổi dậy Hồi giáo toàn cầu (Miller: 2012).

Ngoài ra, nếu trước đây Hoa Kỳ chỉ phải đối mặt với hai quốc gia sở hữu vũ khí hạt nhân là Nga và Trung Quốc, thì sau Chiến tranh Lạnh, một số quốc gia có nguy cơ đe dọa tới lợi ích của Hoa Kỳ bao gồm cả CHDCND Triều Tiên, Iran và thậm chí là Pakistan. Những quốc gia này, ở một góc độ nào đó, đều có xu hướng đối đầu với Mỹ. Trong quá trình xem xét, có thể nhận thấy các “đại chiến lược” của Hoa Kỳ đều được hình thành dựa trên 5 trụ cột quan trọng sau: 1) Xây dựng một nền hòa bình dân chủ; 2) Bảo vệ nước Hoa Kỳ trước bất kỳ một cuộc tấn công nào; 3) Duy trì một sự cân bằng quyền lực có lợi thế với các cường quốc khác; 4) Trừng phạt các “quốc gia thô bạo”; và 5) Đầu tư để thúc đẩy quản trị tốt và khả năng liên minh với các nước khác (Miller, 2012).

Sau Chiến tranh Lạnh, ngoài mối đe dọa đã nêu ở trên, có lẽ sự nổi lên của Trung Quốc là thách thức đáng quan ngại nhất đối với Hoa Kỳ. Với mục tiêu tăng cường tiềm lực quân sự thông qua chương trình hiện đại hóa quân đội, tiếp tục mở rộng ảnh hưởng của mình tại châu Á và Đông Nam Á, gia tăng áp lực lên các tuyên bố chủ quyền tại biển Đông, Trung Quốc đang tìm cách hạn chế các ảnh hưởng của Hoa Kỳ tại đây. Điều này càng khiến “đại chiến lược” của Hoa Kỳ phải có sự thay đổi để thích nghi với bối cảnh mới.

### 3. Các đại chiến lược của Hoa Kỳ sau Chiến tranh Lạnh

#### 3.1. *Bill J. Clinton (1993-2000)*

Chiến tranh Lạnh kết thúc đã mở ra một thời kỳ mới. Sau sự sụp đổ của Liên Xô, Hoa Kỳ là siêu cường duy nhất trên thế giới nhưng sức mạnh đã bị suy giảm nặng nề do phải chạy đua vũ trang. Trên cơ sở đó, chính quyền Clinton đã đưa ra đại chiến lược “Can dự và Mở rộng”. Chiến lược này dựa trên 3 trụ cột chính là kinh tế, an ninh và dân chủ, nhân quyền. Trong Báo cáo Quốc phòng (QDR) 4 năm một lần công bố vào tháng 5/1997, chính quyền Clinton vẫn khẳng định mục tiêu duy trì quyền lãnh đạo của nước này trên thế giới: “Hoa Kỳ hiện là siêu cường duy nhất hiện nay trên thế giới và chúng ta mong muốn duy trì nó trong suốt giai đoạn 1997-2015” (Cohen, 1997: 2). Báo cáo này cũng cụ thể hóa một mục tiêu trong “đại chiến lược” của Hoa Kỳ là ngăn ngừa sự nổi lên của một liên minh hoặc bá quyền mang tính thù địch tại khu vực.

Để duy trì ảnh hưởng của mình cũng như đối phó với mối đe dọa, chính quyền Clinton đã can thiệp vào Somalia khi để tái lập trật tự, thực hiện nhiệm vụ hoà bình và hỗ trợ nhân đạo. Chính quyền Clinton cũng gửi quân tới Haiti để chấm dứt tình trạng bạo loạn, khôi phục chế độ Jean-Bertrand Aristide vào năm 1994. Sang năm 1997, quân đội Hoa Kỳ lại được cử tới Kosovo để ngăn chặn những cuộc bạo loạn về sắc tộc. Hoa Kỳ cũng nhiều lần cho quân đột kích vào Iraq nhằm lật đổ chế độ Saddam Hussein với lý do vi phạm lệnh cấm vận của Liên Hợp Quốc và âm mưu ám sát cựu Tổng thống George H.W. Bush. Trong giai đoạn này, chính quyền Clinton cũng thúc đẩy cuộc đàm phán giữa Israel và Palestine đưa đến việc ký kết Thỏa thuận hòa bình Oslo.

Trong đại chiến lược, Hoa Kỳ coi trọng chính sách của mình đối với các khu vực, nhất là khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Chính quyền Clinton muốn xây dựng một “Cộng đồng Thái Bình Dương mới” (Lord, 1993), trong đó nhấn mạnh vào 3 mục tiêu: tiếp tục cam kết về mặt quân sự của Hoa Kỳ đối với khu vực; ủng hộ những nỗ lực lớn hơn nữa nhằm đối phó với việc phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; thúc đẩy các cuộc đối thoại mới về hàng loạt những thách thức an ninh chung; và ủng hộ dân chủ và các xã hội mở cửa hơn ra toàn khu vực” (Clinton, 1993). Để thực hiện chiến lược đó, Hoa Kỳ tăng cường hợp tác cả với khu vực Đông Nam Á. Đồng thời cũng coi trọng vai trò của khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đặc biệt là trên trụ cột an ninh. Điều này được thể hiện rõ nhất trong Chiến lược An ninh quốc gia Can dự và Mở rộng (NSS) công bố năm 1994 (The White House: 1994), trong đó tuyên bố rằng: Khi nghĩ về châu Á, chúng ta cần phải nhớ rằng an ninh là trụ cột đầu tiên của Cộng đồng Thái Bình Dương mới (Clinton, 1993). Là một quốc gia Thái Bình Dương, Hoa Kỳ có nhiều lợi ích chiến lược tại đây. Để ngăn ngừa một cuộc xâm lược tại khu vực và để bảo vệ những lợi ích riêng của nước mình, Hoa Kỳ cần phải duy trì một sự hiện diện tích cực và tiếp tục vai trò lãnh đạo của mình (Clinton, 1993).

Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng, mặc dù NSS1994 được coi là chiến lược an ninh toàn diện nhất của Hoa Kỳ sau Chiến tranh Lạnh song nội dung của chiến lược này vẫn khá chung chung và rời rạc. Chính điều này đã khiến các nước châu Á có sự nhầm lẫn về các mục tiêu an ninh của Hoa Kỳ tại châu Á. Để làm rõ hơn các mục tiêu của mình tại châu Á, Bộ Quốc phòng nước này đã đưa ra một chiến lược mới có tiêu đề Chiến lược của Hoa Kỳ dành cho khu vực Đông Á - Thái Bình Dương. Chiến lược này còn được gọi là Báo cáo Chiến lược Đông Á (EASR) hoặc Báo cáo Nye<sup>1</sup>,

<sup>1</sup> bởi nó là sáng kiến của Joseph Nye, Trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ về các vấn đề an ninh quốc tế.

trong đó cụ thể hóa 14 mục tiêu về an ninh của Hoa Kỳ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nhấn mạnh tới việc tăng cường quan hệ đồng minh với Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc; lôi kéo Trung Quốc và ủng hộ sự hòa nhập mang tính xây dựng của nước này vào cộng đồng quốc tế; nhấn mạnh việc tăng cường hợp tác với Nga, ASEAN; khuyến khích việc xây dựng đối thoại về an ninh ở tiểu khu vực Đông Bắc Á; ủng hộ các nỗ lực của các nước về dân chủ, nhân quyền (US Department of Defense, 1995). Sự can dự của Hoa Kỳ đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục được củng cố với “Chiến lược an ninh của Hoa Kỳ đối với khu vực Đông Á - Thái Bình Dương” hay còn gọi là “Báo cáo Đông Á” và “NSS dành cho Thế kỷ mới” do Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ công bố năm 1998. Với chính sách này, Hoa Kỳ đã ủng hộ sự thành lập Diễn đàn an ninh khu vực ASEAN (ARF), tăng cường quan hệ song phương với các nước Đông Nam Á về mặt quân sự để tăng cường sự hiện diện của mình tại khu vực.

### 3.2. George W. Bush (2001-2008)

Chính sách đối ngoại của chính quyền Bush phản ánh tư tưởng của chủ nghĩa “tân bảo thủ”, trong đó bày tỏ sự tin tưởng về khả năng và sức mạnh của quân đội Mỹ, về nền kinh tế Mỹ. Quan điểm này coi Hoa Kỳ là một quốc gia có trách nhiệm thực thi quyền lực đó cho dù các quốc gia khác phản đối (Hastedt, 2006: 256). Tư tưởng này thể hiện trong một loạt các cơ quan tham mưu cho chính quyền tư tưởng tân bảo thủ như: Dự án Thế kỷ mới của Hoa Kỳ (PNAC); Viện Doanh nghiệp Hoa Kỳ (AEI); Viện các vấn đề an ninh quốc gia Do Thái (JINSA) và Trung tâm Chính sách An ninh (CSP). Ngoài ra, còn có một số tạp chí mang tư tưởng tân bảo thủ, bao gồm: *Commentary*, *National Review*, *The Weekly Standard*, *The New Republic*, *The National Interest* và *The Public Interest*.

Chính sách đối ngoại của chính quyền Bush được xây dựng bởi một nhóm hoạch định chính sách có tên gọi là “Vulcan” - tên biệt hiệu của Bush trong chiến dịch tranh cử tổng thống (Lancaster and Neal, 1999). Hầu hết các thành viên của nhóm Vulcan đến từ Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ hoặc có nghề nghiệp liên quan tới phòng thủ quốc gia. Chính vì vậy, chính quyền Bush chủ trương xây dựng hệ thống phòng thủ cho nước này, bao gồm Hệ thống phòng thủ quốc gia (NMD) và Hệ thống phòng thủ tên lửa chiến trường (TMD). Để bảo vệ các lợi ích của nước này, chính quyền Bush đơn phương rút khỏi hoặc phản đối một số công ước và hiệp ước quốc tế như Nghị định thư Kyoto 1997, Hiệp ước chống tên lửa đạn đạo 1972 (ABM), Công ước vũ khí hóa học, Hiệp ước cấm thử mìn 1997, Hiệp ước cấm thử toàn diện 1996 (CTBT) và Tòa án hình sự quốc tế (ICC). Dưới tác động của tư duy tân bảo thủ, chính quyền Bush coi Trung Quốc là một “cạnh tranh chiến lược” thay vì “đối tác chiến lược” như chính quyền Clinton đã quan niệm trước đây. Ông W. Bush cũng cam kết bảo vệ Đài Loan và lên án việc Trung Quốc áp đặt sự cai trị lên người dân Đài Loan (Martin, 2008). Chính quyền Bush coi CHDCND Triều Tiên, Iran, Iraq là những quốc gia “cứng đầu” và liệt vào “liên minh ma quỷ”.

Sau sự kiện ngày 11/9/2001, Học thuyết Bush ra đời dựa trên 3 tài liệu chiến lược quan trọng gồm: QDR công bố ngày 31/9/2001; Báo cáo Tình hình hạt nhân (NPR) công bố ngày 08/01/2002; và NSS công bố ngày 17/9/2002. Trong Học thuyết Bush, Hoa Kỳ nhấn mạnh tới chiến lược “tấn công phủ đầu” vào bất kỳ mục tiêu nào mà nước này coi là mối “đe dọa cận kề” đối với an ninh quốc gia. Ngoài ra, Hoa Kỳ sẽ không lưỡng lự hành động một mình, và nếu cần thiết, thực thi quyền phòng vệ và ngăn không cho người khác làm hại người dân và

quốc gia của mình. Học thuyết Bush cũng đặc biệt nhấn mạnh tới tầm quan trọng của việc chuyển đổi lực lượng quân sự, bao gồm việc lập một hệ thống phòng thủ và bảo vệ các lợi ích của Hoa Kỳ và các nước đồng minh. Việc lập kế hoạch phòng thủ cũng sẽ chuyển từ mô hình “dựa trên mối đe dọa” sang mô hình “dựa trên khả năng”, trong đó đòi hỏi Hoa Kỳ phải phát huy tiềm năng để ngăn chặn và đánh bại các kẻ thù. Trên cơ sở đó, Hoa Kỳ đã thực hiện cuộc chiến tranh tại Afghanistan nhằm tiêu diệt nhóm khủng bố Al Qaeda, lật đổ chế độ Taliban. Tiếp đến, Hoa Kỳ thực hiện cuộc chiến tranh Iraq bất chấp sự phản đối của Liên Hợp Quốc để lật đổ chế độ Saddam Hussein.

Tuy nhiên, cũng cần nhấn mạnh rằng, mục tiêu duy trì bá quyền của Hoa Kỳ vẫn không thay đổi. Mục tiêu này thể hiện rõ trong NSS công bố năm 2002, trong đó nhấn mạnh Hoa Kỳ vẫn sẽ tiếp tục theo đuổi mục tiêu duy trì bá quyền của nước này trên thế giới và coi đó là một mục tiêu chính trong “đại chiến lược” của mình. Cả hai tài liệu QDR năm 2001 và NSS năm 2002 cũng đều khẳng định, Hoa Kỳ sẽ làm mọi cách để vai trò lãnh đạo của mình không thể bị “thách thức”. Báo cáo năm 2001 cũng nhấn mạnh Hoa Kỳ sẽ tìm cách duy trì “một sự cân bằng quyền lực có lợi thế” tại các khu vực như Đông Á, vùng Vịnh và châu Âu. Hoa Kỳ sẽ thực hiện mục tiêu này bằng cách duy trì sự ưu việt về mặt quân sự nhằm “ngăn cản bất kỳ quốc gia nào muốn đối đầu về mặt quân sự với Hoa Kỳ trong tương lai, và nếu cần thiết sẽ áp đặt thiện chí của Hoa Kỳ lên bất kỳ đối thủ nào” (Bush, 2002).

Ngoài mối đe dọa khủng bố, Hoa Kỳ coi Trung Quốc là mối “đe dọa tiềm tàng” trong tương lai. QDR năm 2001 nhấn mạnh: “Mặc dù Hoa Kỳ sẽ không đối mặt với một đối thủ cạnh tranh ngang bằng trong tương lai gần, song vẫn tồn tại một

cường quốc khu vực phát triển tiềm lực đủ mạnh có thể đe dọa tới sự ổn định trong khu vực vốn rất quan trọng đối với lợi ích của Mỹ”. Bản báo cáo tiếp tục phân tích rằng: Châu Á đang dần trở thành một khu vực rất nhạy cảm với cuộc cạnh tranh về quân sự trên quy mô rộng. Khả năng tồn tại một đối thủ cạnh tranh về quân sự với một cơ sở nguồn lực ghê gớm sẽ nổi lên tại khu vực (US Department of Defense, 2001). Mặc dù bản báo cáo không trực tiếp đề cập đến quốc gia nào là mối đe dọa, song có thể hiểu được rằng nó ám chỉ đến Trung Quốc. Trong QDR năm 2006 cũng như Báo cáo thường niên gửi Quốc hội cùng năm vẫn tiếp tục khẳng định: “Trung Quốc có một tiềm năng lớn nhất để cạnh tranh về mặt quân sự với Mỹ” (Office of the Secretary of Defense, 2006). QDR bày tỏ những quan ngại về kho vũ khí chiến lược của Trung Quốc và tiềm lực quốc phòng ngày càng gia tăng của Bắc Kinh và đưa ra lời kêu gọi rằng, Hoa Kỳ cần “tìm cách đảm bảo để không một cường quốc nào có thể kiểm soát an ninh thế giới và khu vực” và cần phải có một “chiến lược phòng bị khôn khéo” nhằm đối phó với xung đột trong tương lai thông qua việc cải thiện sức mạnh quốc gia (Department of Defense, 2006).

Ngoài ra, đại chiến lược của Hoa Kỳ hết sức coi trọng vai trò của khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Thực tế là chính quyền Bush vẫn muốn duy trì cấu trúc an ninh “trục và nan hoa” với khu vực này bởi họ vẫn còn nhiều thỏa thuận an ninh với các đồng minh như Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, Philippines và Thái Lan. Việc duy trì tốt với khu vực sẽ giúp Washington can dự sâu hơn vào tình hình khu vực, tăng cường sự hiện diện về quân sự và để có thể hạn chế những ảnh hưởng từ sự trỗi dậy của Trung Quốc. Dưới thời W. Bush, tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Đông Nam Á đã trở thành “mặt trận thứ hai” trong cuộc chiến

chống khủng bố của Mỹ, giúp Washington có được nhiều lợi ích cả về kinh tế, chính trị lẫn quân sự. Trên cơ sở đó, Washington đã tăng cường quan hệ trên bình diện đa phương và song phương với các quốc gia ASEAN thông qua viện trợ quân sự, tập trận chung, chia sẻ thông tin tình báo. Thực tế, cuộc chiến chống khủng bố của Hoa Kỳ ngoài mục tiêu chống khủng bố thì còn nhằm mục đích “kiềm chế” Trung Quốc - đối thủ của Hoa Kỳ trong tương lai.

### 3.3. Barack Obama (2010-2017)

Quan điểm đối ngoại của Chính quyền Obama về chính sách đối ngoại Hoa Kỳ là sự hòa trộn của nhiều quan điểm chính trị khác nhau về trật tự thế giới và hệ thống quốc tế. Xét trên khía cạnh nào đó, nó là hiện thân của “chủ nghĩa quốc tế tự do” nhưng đồng thời lại thể hiện đặc tính của “chủ nghĩa kiến tạo”, “chủ nghĩa tiến bộ”, “chủ nghĩa thế giới” và “chủ nghĩa thực dụng”. Tư tưởng này bị ảnh hưởng bởi nền tảng giáo dục của ông tại Đại học Columbia và Trường Đại học Luật Harvard. Không những thế, chính xuất thân gia đình của Obama (có người bố là người Kenya, bản thân Obama lại trải qua nhiều năm học tập tại Jakarta, Indonesia) đã hình thành nên quan điểm chính trị của vị Tổng thống thứ 44 của nước Mỹ. Do vậy, trong hai năm đầu cầm quyền, có thể thấy chính sách đối ngoại Hoa Kỳ đi theo xu hướng đa phương hóa, sử dụng sức mạnh mềm và sự can dự mang tính toàn cầu. Nếu như ở chính quyền tiền nhiệm, “đại chiến lược” nhằm mục tiêu thúc đẩy tính ưu việt của nước Mỹ, thúc đẩy dân chủ bằng mọi giá, thậm chí cho dù có phải đối mặt với sự phản đối của quốc tế; thì ngược lại, đại chiến lược của chính quyền Obama lại bỏ qua chủ nghĩa đơn phương, thay vào đó coi trọng chủ nghĩa đa phương và sử dụng quyền lực mềm, cũng như chú trọng tới việc bảo vệ các lợi ích của nước này. Cách tiếp cận của chiến lược này là dần rút khỏi cuộc chiến tại

Afghanistan và Iraq; tái thiết lập vị trí và vai trò lãnh đạo của Hoa Kỳ trên thế giới; tập trung vào một loạt những ưu tiên, từ châu Á cho tới kinh tế toàn cầu và cơ chế chống phổ biến vũ khí hạt nhân.

Nếu như cựu Tổng thống W. Bush chú trọng tới sức mạnh đơn phương và “đánh đòn phủ đầu” thì cựu Tổng thống B. Obama nhấn mạnh tới việc tìm kiếm sự đồng thuận hay “cam kết và đối thoại”. Chính vì vậy, chính quyền Obama nhấn mạnh việc tăng cường hợp tác toàn cầu, xây dựng các quan hệ đối tác an ninh rộng hơn và giúp các quốc gia khác tự bảo vệ mình. Ông B. Obama cho rằng, Hoa Kỳ không thể thành công nếu bước ra khỏi xu thế hợp tác. Chính vì vậy, trong NSS công bố năm 2010, ông B. Obama đã nhấn mạnh tới 4 nguyên tắc, bao gồm: xây dựng sức mạnh bên ngoài bằng cách xây dựng sức mạnh từ bên trong thông qua giáo dục, năng lượng sạch và đổi mới, thúc đẩy “các cam kết ngoại giao mới” và ủng hộ phát triển quốc tế. Cũng theo ông B. Obama, “trật tự quốc tế mới” là trật tự có thể giải quyết những thách thức của thời đại như ngăn chặn chủ nghĩa cực đoan bạo lực và các cuộc nổi dậy, chặn đứng nguy cơ phổ biến vũ khí hạt nhân và bảo đảm an toàn nguyên liệu hạt nhân, chống biến đổi khí hậu và duy trì sự phát triển bền vững toàn cầu, hỗ trợ các nước, tránh xung đột và hàn gắn vết thương chiến tranh.

Ngoài đường lối đối ngoại trên, chính quyền Obama cũng nhấn mạnh tới một mục tiêu quan trọng của Hoa Kỳ là duy trì vai trò lãnh đạo của nước này trên quy mô toàn cầu. Mục tiêu này được thể hiện rõ nhất trong tài liệu chiến lược quân sự của Hoa Kỳ công bố ngày 05/01/2012 có tên gọi “Duy trì sự lãnh đạo toàn cầu của Mỹ: Những ưu tiên cho quốc phòng thế kỷ XXI” (The White House, 2012). Trong tài liệu này, ông B. Obama tuyên bố: “Với tư cách là Tổng tư lệnh, tôi quyết định rằng chúng ta phải đáp



ứng những thách thức của thời điểm này một cách có trách nhiệm và chúng ta nổi lên thậm chí còn mạnh hơn theo cách duy trì sự lãnh đạo toàn cầu của Mỹ, duy trì ưu thế quân sự của chúng ta, và giữ lời hứa với binh sĩ, các gia đình quân nhân và cựu chiến binh của chúng ta”. Để hiện thực hóa tuyên bố, ông B. Obama đã đề ra các nhiệm vụ chính của lực lượng vũ trang Hoa Kỳ, trong đó có nhiệm vụ chống chủ nghĩa khủng bố và chiến tranh không chính quy; ngăn chặn và đánh bại xâm lược; triển khai sức mạnh bất chấp những thách thức chống tiếp cận/ngăn chặn xâm nhập khu vực (A2/AD); chống lại vũ khí hủy diệt hàng loạt; tác chiến có hiệu quả trong không gian mạng và ngoài không gian; duy trì một sự răn đe hạt nhân an toàn, đảm bảo và có hiệu quả;... Ngoài ra, chiến lược cũng nhấn mạnh, Hoa Kỳ sẽ tìm kiếm an ninh của quốc gia, của các đồng minh và đối tác. Tìm kiếm một trật tự quốc tế công bằng và bền vững ở đó các quyền lợi và trách nhiệm của các quốc gia và các dân tộc được duy trì, đặc biệt các quyền cơ bản của mọi con người.

Đề cập tới vị trí của khu vực châu Á - Thái Bình Dương, chiến lược nhấn mạnh: Những lợi ích kinh tế và an ninh của Hoa Kỳ được gắn chặt với sự phát triển trong vòng cung kéo dài từ khu vực Tây Thái Bình Dương và Đông Á sang khu vực Ấn Độ Dương và Nam Á, tạo ra những thách thức nhưng cũng đang gia tăng các cơ hội. Vì vậy, trong khi quân đội Hoa Kỳ sẽ tiếp tục đóng góp cho an ninh toàn cầu, Hoa Kỳ sẽ nhất thiết cân bằng lại đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Các mối quan hệ của Hoa Kỳ với các đồng minh châu Á và các đối tác then chốt là mang tính quyết định đối với sự ổn định và tăng trưởng trong tương lai của khu vực. Hoa Kỳ sẽ chú trọng tới những liên minh hiện tại của mình, các liên minh tạo nền tảng mang tính sống còn đối với an ninh của khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Hoa

Kỳ cũng sẽ mở rộng các mạng lưới hợp tác với các đối tác đang nổi lên trên khắp châu Á - Thái Bình Dương để đảm bảo khả năng tập thể và khả năng đảm bảo những lợi ích chung” (The White House, 2012).

Tiếp đến, trong NSS năm 2015, chính quyền Obama vẫn tiếp tục xác định mục tiêu duy trì “vai trò lãnh đạo thế giới” (The White House: 2015: 2). Trong phần mở đầu giới thiệu về chiến lược mới, cựu Tổng thống B. Obama đã thể hiện rõ mục tiêu bất biến này của Hoa Kỳ trong nhiều thập kỷ qua. Theo đó: Bất kỳ chiến lược thành công nào để đảm bảo sự an toàn của người dân Hoa Kỳ và đẩy mạnh các lợi ích an ninh quốc gia của chúng ta đều phải khởi đầu với một sự thực không thể chối cãi - Hoa Kỳ phải lãnh đạo. Sự lãnh đạo mạnh mẽ và lâu bền của Hoa Kỳ là cần thiết đối với một trật tự quốc tế dựa trên các nguyên tắc thúc đẩy an ninh và sự thịnh vượng toàn cầu cũng như phẩm giá và quyền con người của tất cả các dân tộc. Câu hỏi được đặt ra không phải là liệu Hoa Kỳ có nên lãnh đạo hay không, mà là Hoa Kỳ lãnh đạo như thế nào (The White House, 2015).

Ngoài ra, có thể thấy NSS năm 2015 đã thể hiện rõ tầm nhìn và chiến lược nhằm thúc đẩy các lợi ích quốc gia, các giá trị phổ quát và trật tự quốc tế dựa trên luật lệ thông qua sự lãnh đạo mạnh mẽ và lâu bền của Hoa Kỳ. Chiến lược đã đề ra những nguyên tắc và ưu tiên thể hiện rõ việc Hoa Kỳ lãnh đạo thế giới thế nào để mang lại hòa bình lớn hơn và sự thịnh vượng mới. Sáu nguyên tắc mà Hoa Kỳ lãnh đạo sẽ bao gồm: lãnh đạo có mục đích, lãnh đạo với sức mạnh, lãnh đạo bằng sự nêu gương, lãnh đạo với các đối tác có năng lực, lãnh đạo với tất cả các công cụ sức mạnh Hoa Kỳ và lãnh đạo với một tầm nhìn dài hạn (The White House: 2015: 2). Để lãnh đạo có mục đích, chiến lược nhấn mạnh tới những lợi ích quốc gia lâu dài đã được phác thảo trong

NSS 2010, bao gồm: Sự an toàn của Hoa Kỳ, các công dân Hoa Kỳ và các đồng minh và đối tác của Hoa Kỳ; một nền kinh tế Hoa Kỳ hùng mạnh, đổi mới và ngày càng phát triển trong một hệ thống kinh tế quốc tế mở thúc đẩy cơ hội và sự thịnh vượng; sự tôn trọng các giá trị phổ quát ở trong nước và trên khắp thế giới; một trật tự quốc tế (dựa trên nguyên tắc chung) với sự lãnh đạo của Hoa Kỳ hướng tới đầy mạnh, thúc đẩy hòa bình, an ninh và cơ hội thông qua sự hợp tác mạnh mẽ hơn để đối phó với những thách thức toàn cầu. Có thể thấy, NSS 2015 là sự kế thừa của chiến lược NSS 2010, có bổ sung và nhấn mạnh ở một số điểm mới như hợp tác với các quốc gia mới nổi lên như Trung Quốc, Ấn Độ trong khi vẫn duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các đồng minh truyền thống. Ngoài ra, Hoa Kỳ cũng chủ trương chuyển trọng tâm hợp tác kinh tế quốc tế với tổ chức G-20 chứ không chỉ chú trọng tới các nhóm nước phát triển G-7 như trước đây. Mặc dù chiến lược mới không đề cập tới việc dùng các biện pháp quân sự đơn phương, song nó cũng không bác bỏ việc đánh đòn phủ đầu khi tuyên bố Hoa Kỳ sẽ bảo lưu lựa chọn hành động đơn phương trong những tình huống cấp thiết. Ngoài ra, chiến lược mới cũng xác nhận an ninh quốc tế đang bị đe dọa ngay trong lòng Hoa Kỳ và kẻ thù từ bên trong - tức là những kẻ khủng bố là công dân nước này, sống trên đất nước này - được coi là mối đe dọa trực tiếp.

Khi đề cập tới vai trò của khu vực châu Á - Thái Bình Dương, NSS 2015 nhấn mạnh: Hoa Kỳ sẽ thúc đẩy việc tái cân bằng sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Sự lãnh đạo của Hoa Kỳ sẽ vẫn là thiết yếu để định hình đường hướng lâu dài của khu vực nhằm tăng cường sự ổn định và an ninh, tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại và trao đổi hàng hóa thông qua một hệ thống mở và minh bạch, và đảm bảo sự tôn trọng đối với các quyền phổ quát và quyền

tự do. Và để hiện thực hóa tầm nhìn này, Hoa Kỳ đa dạng hóa các mối quan hệ an ninh ở châu Á cũng như sự hiện diện và vị thế quốc phòng. Hoa Kỳ đang hiện đại hóa các liên minh của mình với Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc và Philippines, và tăng cường sự tương tác giữa các nước này để đảm bảo họ đủ khả năng đối phó với các thách thức khu vực và toàn cầu. Ngoài ra, Hoa Kỳ cũng cam kết sẽ tăng cường các thể chế khu vực như ASEAN, Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á (EAS), và Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) để củng cố các quy tắc và chuẩn mực chung, tạo ra các phản ứng tập thể trước các thách thức chung, và giúp đảm bảo giải pháp hòa bình cho các tranh chấp. Hoa Kỳ vẫn sẽ tiếp tục hỗ trợ sự tiến bộ của an ninh, phát triển và dân chủ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương; tiếp tục duy trì các nghĩa vụ hiệp ước với Hàn Quốc, Nhật Bản, Philippines và Thái Lan, trong khi khuyến khích Thái Lan nhanh chóng quay lại nền dân chủ.

#### 4. Kết luận

Như vậy, có thể thấy để duy trì vai trò lãnh đạo trong trật tự thế giới được thiết lập từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, Hoa Kỳ luôn đề ra một “đại chiến lược” hay “chiến lược toàn cầu” nhằm thực hiện các mục tiêu của mình, trong đó mục tiêu bao trùm nhất là duy trì vai trò lãnh đạo thế giới. Trong quá trình thực hiện mục tiêu đó, Hoa Kỳ luôn xác định vai trò quan trọng của khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nơi tập trung nhiều đồng minh và đối tác cũng như tiềm ẩn những nguy cơ đe dọa tới vai trò lãnh đạo và vị thế của nước này. Do vậy, ứng với mỗi “đại chiến lược”, Hoa Kỳ luôn có chiến lược phù hợp với từng khu vực trong đó có chiến lược đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Mặc dù không gian địa lý có thể mở rộng sang cả khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương nhưng nền tảng lợi ích của Hoa Kỳ tại khu vực châu Á - Thái Bình

Dương sẽ không bị mất đi bởi đây là nơi có các thể chế hợp tác khu vực như ASEAN và APEC sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng cho vai trò lãnh đạo và sự can dự của Hoa Kỳ với khu vực. Ở cấp độ toàn cầu, Hoa Kỳ luôn có một “đại chiến lược” để bảo toàn và giữ vững vị trí thống trị, lãnh đạo của mình. Ở cấp độ khu vực, Hoa Kỳ đề ra chiến lược đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương, một cấu thành quan trọng trong đại chiến lược giúp Hoa Kỳ đạt được các mục tiêu có hiệu quả nhất

Sau Chiến tranh Lạnh, đại chiến lược của Mỹ bị ảnh hưởng bởi sự trỗi dậy của Trung Quốc, vấn đề sở hữu vũ khí hạt nhân và các nhóm khủng bố hồi giáo cực đoan. Dưới thời Tổng thống Bill Clinton, Mỹ triển khai chiến lược “Can dự và Mở rộng”. Chiến lược này dựa trên ba trụ cột chính là kinh tế, an ninh và dân chủ, nhân quyền. Một trong những mục tiêu trong “đại chiến lược” của Hoa Kỳ trong thời kỳ này là ngăn ngừa sự nổi lên của một liên minh hoặc bá quyền mang tính thù địch tại khu vực. Để thực hiện chiến lược đó, Hoa Kỳ tăng cường hợp tác cả với khu vực Đông Nam Á, đồng thời cũng coi trọng vai trò của khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đặc biệt là trên trụ cột an ninh. Mỹ muốn thiết lập một “cộng đồng Thái Bình Dương mới” tại khu vực.

Dưới thời của Chính quyền George W. Bush, Mỹ duy trì một đại chiến lược “tấn công phủ đầu” vào bất kỳ mục tiêu nào mà nước này coi là mối “đe dọa cận kề” đối với an ninh quốc gia. Ngoài ra, Hoa Kỳ sẽ không lưỡng lự hành động một mình, và nếu cần thiết, thực thi quyền phòng vệ và ngăn không cho người khác làm hại người dân và quốc gia của mình. Đại chiến lược của Mỹ cũng nhấn mạnh tới tầm quan trọng của việc chuyển đổi lực lượng quân sự, bao gồm việc lập một hệ thống phòng thủ và bảo vệ các lợi ích của Hoa Kỳ và các nước đồng minh. Trong đại chiến lược này, Mỹ

tiếp tục coi trọng vai trò của khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Đối với chính quyền của Tổng thống Barack Obama, đại chiến lược của Mỹ chú trọng tới việc tìm kiếm sự đồng thuận hay “cam kết và đối thoại”. Chính vì vậy, chính quyền Obama nhấn mạnh việc tăng cường hợp tác toàn cầu, xây dựng các quan hệ đối tác an ninh rộng hơn và giúp các quốc gia khác tự bảo vệ mình. Đại chiến lược này nhấn mạnh bốn nguyên tắc: xây dựng sức mạnh bên ngoài bằng cách xây dựng sức mạnh từ bên trong thông qua giáo dục; năng lượng sạch và đổi mới; thúc đẩy “các cam kết ngoại giao mới” và ủng hộ phát triển quốc tế. Trong giai đoạn này, Mỹ tiếp tục coi trọng khu vực châu Á - Thái Bình Dương thực hiện việc “xoay trục” và “tái cân bằng” sang khu vực châu Á. Sự lãnh đạo của Hoa Kỳ sẽ vẫn là thiết yếu để định hình đường hướng lâu dài của khu vực nhằm tăng cường sự ổn định và an ninh, tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại và trao đổi hàng hóa thông qua một hệ thống mở và minh bạch, và đảm bảo sự tôn trọng đối với các quyền phổ quát và quyền tự do □

#### Tài liệu tham khảo

1. Art, Robert J. (2003), *A Grand Strategy for America*, Cornell University Press, Ithaca.
2. Bush, George W. (2002), *Remarks by the President at 2002 Graduation Exercise of the United States Military Academy*, United States Military Academy, West Point, New York.
3. Clinton, B. (1993), “Fundamentals of Security for a New Pacific Community” - President Clinton’s Speech before the National Assembly of the Republic of Korea, July 10, 1993.
4. Cohen, William S. (1997), *Report of the Quadrennial Defense Review*, Washington D.C., May 1997.

5. Department of Defense (2006), "Quadrennial Defense Review Report", February 6, 2006, US Department of Defense, Washington, D.C.
6. Dueck, C. (2001), "American As She Has Been: The Role of Ideas at Key Turning Points in US Grand Strategy", PhD. diss., Princeton University.
7. Feaver, P. (2012), *American Grand Strategy at the crossroads: Leading from the front, leading from behind, or not leading at all*, America's Path: Grand Strategy for the Next Administration, Washington, D.C.
8. Hastedt, G.P. (2006), *American Foreign Policy: Past, present, future*, Upper Saddle River, N.J: Pearson Prentice Hall.
9. Kohout III, J.J., Lambakis, S.J., Payne, K.B., Rudney, R.S., Stanley, W.A., Victory, B.C., and Vlahos, L.H. (1995), "Alternative grand strategy options for the United States," *Comparative Strategy*, Vol. 14, No. 4, p.361-420.
10. Lancaster, J. and Neal, T.M. (1999), "Heavyweight 'Vulcan' helps Bush forge a foreign policy", *The Washington Post*, 19 November.
11. Lord, W. (1993), "A new pacific community: Ten goals for American foreign policy", Testimony of Winston Lord, US Assistant Secretary of State for East Asian and Pacific Affairs before the US Congress, Washington, D.C.
12. Martin, P. (2001), "Bush hints at war with China over Taiwan", *World Socialist Web Site*, 27 April 2001, <http://www.wsws.org/articles/2001/apr2001/taiw-a27.shtml>, truy cập ngày 20/8/2021.
13. Miller, P.D. (2012), "Five pillars of American Grand Strategy", *Survival*, Vol. 54, No. 5, October-November, pp. 7-44.
14. Office of the Secretary of Defense (2006), "Military powers of the Peoples Republic of China", *Annual Report to Congress 2006 and US Department of Defense, Quadrennial Defense Review Report*, February, US Department of Defense, Washington, D.C.
15. Pardesi, M.S. (2005), "Deducing India's grand strategy of regional hegemony from historical and conceptual perspectives", Institute of Defence and Strategic Studies, Singapore, April.
16. Posen, B.R. (1984), *The sources of military doctrine: France, Britain, and Germany between the World Wars*, Cornell University, Ithaca, in: Harth, A.C. (2003), "Geopolitical and Grand Strategy: Foundation of American National Security," PhD. diss., University of Pennsylvania, Partial.
17. The White House (1994), *A National Security Strategy of Engagement and Enlargement*, July 1994, The White House, US Department of Defense, Washington, D.C.
18. The White House (2012), *Sustaining U.S. Global Leadership: Priorities for 21st Century Defense*, January 2012, The White House, US Department of Defense, Washington, D.C.
19. The White House (2015), *The National Security Strategy*, February 2015, The White House, US Department of Defense, Washington, D.C.
20. US Department of Defense (1995), *United States Security Strategy for the East Asia-Pacific Region*, February 1995, US Department of Defense, Washington, D.C.
21. US Department of Defense (2001), *Quadrennial Defense Review*, September 2001, US Department of Defense, Washington, D.C.